

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No.: 1058 /2025/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, Tại ngày: 11 tháng 07 năm 2025
As at 11 July 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 10/07/2025
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
1	ACB	5,200	5.11%
2	CTG	900	1.77%
3	DCM	100	0.15%
4	DGC	200	0.89%
5	DIG	500	0.41%
6	DPM	200	0.34%
7	EIB	1,700	1.77%
8	FPT	1,400	7.52%
9	FRT	100	0.82%
10	GEX	700	1.21%
11	GMD	400	1.06%
12	HCM	400	0.43%
13	HDB	2,900	3.07%
14	HPG	4,700	5.09%
15	HSG	500	0.38%
16	IDC	200	0.42%
17	KBC	600	0.73%
18	KDH	600	0.81%
19	LPB	3,100	4.49%
20	MBB	3,700	4.30%
21	MSB	2,600	1.47%



22	MSN	800	2.65%
23	MWG	1,200	3.55%
24	NLG	300	0.52%
25	PDR	500	0.42%
26	PLX	100	0.16%
27	PNJ	300	1.09%
28	POW	600	0.36%
29	PVD	300	0.27%
30	PVS	200	0.29%
31	SAB	100	0.21%
32	SHB	3,800	2.33%
33	SHS	900	0.57%
34	SSB	2,000	1.67%
35	SSI	1,500	1.87%
36	STB	2,100	4.39%
37	TCB	5,100	7.78%
38	TPB	1,400	0.91%
39	VCB	1,000	2.69%
40	VCG	400	0.40%
41	VCI	400	0.67%
42	VHM	1,100	3.94%
43	VIB	2,300	1.93%
44	VIC	1,200	4.99%
45	VJC	300	1.23%
46	VND	1,200	0.95%
47	VNM	900	2.37%
48	VPB	4,400	3.86%
49	VPI	100	0.24%
50	VRE	1,000	1.17%
I	Chứng khoán/Stock	2,187,895,000	95.69%
II	Tiền/Cash(VND)	98,477,153	4.31%
III	Tổng/Total (=I+II)	2,286,372,153	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoàn đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	2,187,895,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	2,286,372,153
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	98,477,153

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	SSI	28,550	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	VCI	38,250	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	VND	18,050	VNDS	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
4	VCB	61,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC
5	ACB	22,450	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	MBB	26,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	82,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	TCB	34,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
9	VIB	19,150	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit



Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 10/07/2025	Kỳ trước/Last Period(**) 09/07/2025	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	0.00	0.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0.00	0.00	0.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	5,800,000.00	5,800,000.00	0.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	21,700.00	21,510.00	190.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	132,609,584,881.00	131,532,600,770.00	1,076,984,111.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2,286,372,153.00	2,267,803,461.00	18,568,692.00
của 1 CCQ/ per Share	22,863.72	22,678.03	185.69
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2,592.94	2,568.82	24.12

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 09/07/2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 08/07/2025

Đại diện tổ chức
Organization representative



Trần Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC